

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHOÁI CHÂU  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ -ST  
Ngày: 26/12/2017.  
(V/v Xin ly hôn).

*Khoái Châu, ngày 26 tháng 12 năm 2017.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***\*/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

***\*/ Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Xuân Hòa.

2. Bà Đặng Thị Thêm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Nhật Lệ – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2017/LHST – HNGĐ ngày 31/10/2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** - Anh Nguyễn Bất H, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Đội 2, thôn P, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

***2. Bị đơn:*** - Chị Trần Thị A, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn L, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

***3. Những người làm chứng:***

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969;

Trú tại: Thôn L, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/10/2017; Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai của đương sự tại Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu ngày 31/10/2017, nguyên đơn anh Nguyễn Bất H trình bày như sau: Anh H kết hôn với chị Trần Thị A, sinh năm 1992 là người ở cùng xã vào ngày 06/9/2016 trên cơ sở tự nguyện, có tiến hành đăng ký kết hôn hợp pháp tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã D.

Sau khi kết hôn xong thì chị A về chung sống cùng với gia đình anh H tại thôn P, xã D. Tuy chỉ mới về chung sống cùng nhau nhưng giữa anh H và chị A đã không có hạnh phúc, vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống dẫn đến việc

thường xuyên xảy ra cãi vã. Do không có hạnh phúc nên chỉ về chung sống với nhau được khoảng hơn 02 tháng thì chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị A tại thôn L, xã D sinh sống. Khi chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ, thì anh H đã nhiều lần đến tìm gặp mong chị A quay về nhưng chị A cương quyết không về. Sau đó thì chị A đã đi làm việc ở nơi khác mà không hề thông báo với anh H, anh H đã nhiều lần gọi điện hỏi thì chị A không nói địa chỉ và thường xuyên thay đổi số điện thoại nhằm cắt đứt liên lạc với anh H, về phía bố mẹ đẻ chị A cũng cố tình giấu giếm, không cho anh H biết địa chỉ của chị A.

Quá trình chị A và anh H sống ly thân thì anh H đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên động viên chị A quay về đoàn tụ nhưng chị A cương quyết không đồng ý. Nay anh H xác định không còn tình cảm gì với chị A bởi lẽ anh H và chị A sống ly thân nhau đã lâu, việc vợ chồng về đoàn tụ là không thể nên anh H xin ly hôn chị A để ổn định cuộc sống.

*\*/ Về con chung:* Anh H khẳng định vợ chồng chưa có con chung với nhau.

*\*/ Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:* Anh H khẳng định giữa anh và chị A không có gì liên quan, không đề nghị đặt ra giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Khoái Châu đã nhiều lần triệu tập chị Trần Thị A đến trụ sở TAND huyện Khoái Châu để viết bản tự khai trình bày quan điểm về việc anh H xin ly hôn chị A, tuy nhiên chị A dù đã biết được thông báo, giấy triệu tập nhưng vẫn cố tình vắng mặt không trình bày quan điểm của mình.

- Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị B – Mẹ đẻ của chị A trình bày: Bà B thừa nhận hoàn cảnh, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân giữa anh H và chị A như anh H trình bày là đúng. Quá trình anh H và chị A ly thân thì gia đình bà cũng tích cực B giải, động viên nhưng không có kết quả. Chị A vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương xã D nhưng hiện tại chị A đang đi làm ăn, khi được hỏi về địa chỉ của chị A thì bà B trả lời là không biết rõ địa chỉ cụ, tuy nhiên chị A vẫn thường xuyên gọi điện, liên lạc với bà B và thi thoảng chị A cũng về thăm nhà. Bà B đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập và thông báo của Tòa án và bà đã thông báo lại cho chị A, tuy nhiên, do bận công việc nên chị A không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, nhưng quan điểm của chị A là nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh H.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn anh Nguyễn Bất H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị A. Ngoài ra anh H không yêu cầu giải quyết gì thêm.

- Bị đơn chị Trần Thị A và người làm chứng bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ vào các ngày 21/12/2017 và 26/12/2017 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu:***

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015).

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Bất H; Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: không đặt ra xem xét giải quyết; Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

***1/ Về tố tụng:***

Anh Nguyễn Bất H có đơn đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết ly hôn cho anh và chị Trần Thị A. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu.

Bị đơn chị Trần Thị A và người làm chứng bà Nguyễn Thị B dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

***2/ Về quan hệ hôn nhân:*** Anh H kết hôn với chị A trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào năm 2016 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống thì giữa anh H và chị A đã nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có hạnh phúc thể hiện ở chỗ sau khi kết hôn xong thì anh, chị chỉ chung sống với nhau được khoảng 02 tháng, sau đó chị A đã cố tình trốn tránh và ly thân với anh H hơn một năm nay. Nay anh H xác định không còn tình cảm gì với chị A, vợ chồng không thể về chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn chị A để ổn định cuộc sống.

Theo xác minh tại địa phương xã D và người thân trong gia đình chị A thì thấy rằng anh H và chị A mới chỉ chung sống với nhau được khoảng 02 tháng sau khi kết hôn thì đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2016 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý vụ án ly hôn giữa anh H và chị A thì Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và nhiều lần gửi

giấy triệu tập, thông báo B giải cho chị A để chị A biết, đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu viết bản tự khai hoặc trình bày lời khai và tham gia phiên B giải. Bản thân chị A vẫn về địa phương, biết được việc anh H có đơn xin ly hôn chị tại TAND huyện Khoái Châu, biết được nội dung các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc. Trong khi theo xác minh tại địa phương thì chị A vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú, vẫn sinh sống và thường xuyên có mặt tại địa phương xã D. Theo lời khai của bà Nguyễn Thị B thì chị A tuy đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và thỉnh thoảng vẫn về nhà bà nhưng bà B lại không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị A cho Tòa án nhân dân huyện K. Điều đó chứng tỏ rằng chị A và bà B đang cố tình giấu địa chỉ của chị A. Ngoài ra, bà B còn cung cấp về việc anh H xin ly hôn thì chị A cũng nhất trí ly hôn với anh H.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**3/ Về con chung:** Anh H và chị A không có con chung với nhau.

**4/ Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:** Anh H khẳng định không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết, trong khi chị A thì không có mặt để trình bày quan điểm của mình. Nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sau này anh H và chị A có yêu cầu sẽ khởi kiện để xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

**5/ Về án phí:**

Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh H đã nộp tại biên lai thu số 0002093 ngày 31/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên anh H đã thi hành xong án phí của mình.

**6/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Áp dụng:** Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 229 của BLTTDS 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**2/ Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Nguyễn Bật H được ly hôn với chị Trần Thị A.

**3/ Về con chung:** Anh H và chị A không có con chung với nhau.

**4/ Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:** Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sau này anh H và chị A có yêu cầu sẽ khởi kiện để xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

**5/ Về án phí:** Anh Nguyễn Bật H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh H đã nộp tại biên lai thu số 0002093 ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên anh H đã thi hành xong án phí của mình.

**6/ Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2017). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS K/C;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
**Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hương**